|  |  |
| --- | --- |
| **VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 1970/BC-VPCP | *Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình triển khai Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của**

**Thủ tướng Chính phủ về gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Xây dựng Chính phủ điện tử là một trong những nội dung quan trọng của cải cách hành chính nhằm thực hiện hóa quyết tâm của Chính phủ về xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ nhân dân. Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử “Nghĩ lớn, nhìn tổng thể, hành động nhanh, bắt đầu từ những việc nhỏ nhưng hiệu quả lớn”, Văn phòng Chính phủ đã tổ chức các Đoàn công tác khảo sát có sự tham gia của Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ, các Tập đoàn, Công ty mạnh về công nghệ thông tin, học tập kinh nghiệm về quản trị hành chính công và xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số tại các quốc gia thành công, có thứ hạng cao trong bảng xếp hạng về Chính phủ điện tử của Liên Hợp quốc như Malayisa (tháng 3/2018), Estonia và Pháp (tháng 4/2018), Hàn Quốc (tháng 5/2018), Nga (tháng 12/2018)[[1]](#footnote-1), tổ chức nhiều hội thảo quốc tế về xây dựng Chính phủ điện tử;

Trên cơ sở kết quả học tập kinh nghiệm của các nước trên thế giới, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, liên quan, đánh giá tình hình triển khai Chính phủ điện tử trong thời gian qua, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử phù hợp xu hướng phát triển Chính phủ điện tử của thế giới và tình hình thực tế của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Một trong những kết quả đạt được thời gian qua là Văn phòng Chính phủ đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước (sau đây gọi là Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg). Đây là một trong những bước đi đầu tiên trong quá trình chuyển đổi số giữa các cơ quan hành chính nhà nước để phục vụ người dân, doanh nghiệp được tốt hơn. Văn phòng Chính phủ đã khẩn trương phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan húc đẩy tiến độ triển khai Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg.

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH 28/2018/QĐ-TTG**

**1. Những kết quả đạt được**

1. Về hoàn thiện căn cứ pháp lý

Để bảo đảm tính pháp lý của các văn bản điện tử, lưu trữ điện tử, Bộ Nội vụ đã ban hành 02 Thông tư: Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ quan của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức; Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử; đang nghiên cứu, sửa đổi Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về công tác văn thư.

Ngoài ra các bộ, ngành địa phương đã và đang chuẩn bị ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 19 Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg.

1. Xây dựng Trục liên thông văn bản quốc gia theo công nghệ tiên tiến của thế giới, thử nghiệm kết nối các phần mềm quản lý văn bản và điều hành

Văn phòng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 676/QĐ-VPCP ngày 27 tháng 07 năm 2018 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg. Dựa trên kế hoạch này, Văn phòng Chính phủ đã phát hành và tổng hợp phiếu khảo sát về kết nối, liên thông gửi, nhận văn bản điện tử đến các bộ, ngành, địa phương. Từ bài học kinh nghiệm xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các nước trên thế giới và kết quả khảo sát, Văn phòng Chính phủ đã phối hợp với Tập đoàn VNPT nghiên cứu, lựa chọn công nghệ nền tảng để xây dựng Trục liên thông văn bản quốc gia theo công nghệ phân tán ngang hàng (Peear – to - Peer), phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thử nghiệm[[2]](#footnote-2) kết nối với trục liên thông văn bản quốc gia trước khi triển khai chính thức trên toàn quốc.

- Trong quá trình triển khai, Văn phòng Chính phủ đã tổ chức 02 Hội nghị (01 Hội nghị trực tuyến với các bộ, ngành, địa phương ngày 18/01/2019, 01 Hội nghị với 16 bộ, ngành, địa phương tại trụ sở Văn phòng Chính phủ ngày 21/02/2019), phát hành 04 Công văn đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành địa phương trong quá trình triển khai, tích cực phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thử nghiệm gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước, đảm bảo tiến độ đề ra tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg.

**2. Chuyển đổi sử dụng Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ kết nối, liên thông gửi, nhận văn bản điện tử.**

Ngày 19/01/2019, Văn phòng Chính phủ đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương cùng với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam VNPT (đơn vị triển khai) tiến hành chuyển đổi hệ thống Trục liên thông văn bản quốc gia theo công nghệ mới, thử nghiệm gửi, nhận văn bản điện tử với 95 bộ, ngành, địa phương; thực hiện theo dõi, đánh giá tình hình gửi, nhận văn bản của các bộ, ngành, địa phương sau chuyển đổi. Đến thời điểm hiện tại hệ thống đang hoạt động ổn định. Chi tiết kết quả sau khi chuyển đổi hệ thống như sau:

- Số lượng đơn vị kết nối hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH) thông qua trục liên thông văn bản quốc gia: 95/95 cơ quan (31 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng) đã hoàn thành kết nối thông qua mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Tính đến ngày 08/3/2019, đã có 95/95 (100%) cơ quan hoàn thành cập nhật mã định danh cơ quan theo Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT ngày 01/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

*-* Từ ngày 19/01/2019 đến ngày 08/03/2019 đã có **12.257 văn bản gửi, 35.360** văn bản nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia, trong đó Thanh tra Chính phủ chưa phát sinh gửi văn bản điện tử.

*-* 63/95 cơ quan đã chuẩn bị được máy chủ bảo mật dùng riêng, tích hợp chứng thư số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp (bảo đảm văn bản điện tử gửi, nhận thông qua trục liên thông văn bản quốc gia được thông suốt, an toàn, an ninh), 32/95 cơ quan đang sử dụng máy chủ bảo mật chung do Văn phòng Chính phủ cung cấp.

- 32/95 cơ quan đã hoàn thành việc nâng cấp phần mềm QLVB&ĐH, đang chạy chính thức; 8/95 cơ quan đã hoàn thành việc nâng cấp, đang trong giai đoạn kiểm thử; 19/95 cơ quan đang thực hiện nâng cấp phần mềm; các cơ quan còn lại có kế hoạch cụ thể nâng cấp phần mềm.

- Về nâng cấp phần mềm QLVB&ĐH đáp ứng các trạng thái xử lý văn bản[[3]](#footnote-3)

**+ 01/95** cơ quan có dữ liệu văn bản nhưng chưa phản hồi trạng thái: Văn phòng Trung ương Đảng;

**+ 03/95** cơ quan đã phản hồi 2 trạng thái nhưng đã xác nhận nâng cấp đầy đủ các trạng thái; **06/95** cơ quan phản hồi 2 trạng thái nhưng chưa xác nhận lại đã nâng cấp đầy đủ các trạng thái;

+ **85/95** cơ quan đã nâng cấp phần mềm, có dữ liệu văn bản phản hồi từ 3 trạng thái trở lên, trong đó **42/85** cơ quan đã xử lý văn bản qua từ 5 trạng thái trở lên.

- Về việc sử dụng bộ thư viện phát triển kết nối, liên thông (SDK): **74/95** cơ quan đã sử dụng SDK (phiên bản 2.0) hỗ trợ nghiệp vụ theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg; **21/95** cơ quan sử dụng SDK (phiên bản 1.0).

c) Việc bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống Trục liên thông văn bản quốc gia.

Vấn đề đảm bảo an toàn, an ninh thông tin văn bản gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia được Văn phòng Chính phủ đặc biệt quan tâm. Do vậy, Văn phòng Chính phủ đã phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành kiểm tra, đánh giá an toàn an ninh đối với hệ thống thiết bị, hệ thống ứng dụng Trục liên thông văn bản quốc gia.. Văn phòng Chính phủ sẽ tiếp tục cùng với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an liên tục rà soát, đánh giá an toàn bảo mật đối với Trục liên thông văn bản quốc gia, đảm bảo an ninh, an toàn tối đa cho hệ thống.

**2. Một số khó khăn, vướng mắc**

- Các bộ, ngành, địa phương thực hiện hiệu chỉnh phần mềm quản lý văn bản và điều hành theo Quyết định 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ còn chậm, còn phụ thuộc vào các nhà cung cấp phần mềm quản lý văn bản và điều hành (hiện có 29 đơn vị phát triển phần mềm – chi tiết tại Phụ lục số III kèm theo), nhiều phần mềm đã hết thời gian bảo hành, duy trì, phát triển.

- Nhiều bộ, ngành, địa phương còn chưa có thói quen xử lý văn bản trên môi trường mạng, vì vậy việc phát sinh các trạng thái xử lý văn bản chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 10, Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg (chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo).

- Về ký số văn bản điện tử: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ, sau khi Lãnh đạo ký số văn bản thì Văn thư phải có công cụ ký số để cấp số văn bản, ngày, tháng, năm. Hiện nay vẫn chưa có hướng dẫn về mặt kỹ thuật nội dung này nên nếu triển khai ký số theo quy trình này thì Văn thư sẽ không cấp số văn bản, ngày, tháng năm được.

**II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẦN TRIỂN KHAI TRONG THỜI GIAN TỚI**

Để tiếp tục triển khai hiệu quả Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ sẽ phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện như sau:

**1. Hoàn thiện căn cứ pháp lý**

- Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng, ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 19, Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương về quy trình ký số theo Thông tư số 01/2019/TT-BNV.

**2. Cập nhật Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg và phản hồi trạng thái xử lý văn bản**

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương bố trí kinh phí, hoàn thiện nâng cấp phần mềm quản lý văn bản và điều hành theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; trước hết chuẩn hóa, phản hồi đầy đủ trạng thái theo quy định tại Điều 10, Quyết định này và theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

**3. Thực hiện tiếp nhận, phát hành, quản lý văn bản điện tử gửi, nhận qua Trục liên thông văn bản quốc gia**

Đầu mối cơ quan đơn vị gửi, nhận văn bản điện tử chủ động theo dõi việc gửi, nhận văn bản điện tử của cơ quan mình, phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan (bộ phận văn thư, cơ quan chuyên trách, bộ phận phụ trách phần mềm QLVB&HSCV) bảo đảm việc gửi, nhận văn bản điện tử được thông suốt.

**4. Số hóa văn bản**

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương bảo đảm chất lượng văn bản được số hóa (scan), bảo đảm chất lượng hiển thị nội dung văn bản trong quá trình gửi, nhận văn bản điện tử.

**5. Về đưa chỉ tiêu áp dụng văn bản điện tử, chữ ký số vào chỉ tiêu ICT Index, PAR Index**

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ nghiên cứu, đưa các chỉ tiêu áp dụng liên quan đến văn bản điện tử, chữ ký số để đánh giá xếp hạng ICT Index, PAR Index trong các cơ quan nhà nước.

Trên đây là báo cáo quá trình triển khai Trục liên thông văn bản Quốc gia, kết nối, liên thông các hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tại các bộ, ngành, địa phương theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Văn phòng Chính phủ kính báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - TTgCP, các Phó TTg: Trương Hòa Bình, Vũ Đức Đam;  - Văn phòng Trung ương Đảng;  - Các đồng chí Bí thư tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Các đồng chí Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Các đồng chí Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - VPCP: BTCN, các Phó CN, các Vụ, đơn vị: HC, TCCB, TTTH, TTĐT;  - Lưu: VT, KSTT (2). | **BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**  **Mai Tiến Dũng** |

**PHỤ LỤC I**

**KẾT QUẢ CHI TIẾT TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH 28/2018/QĐ-TTG CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo Báo cáo số /VPCP-KSTT ngày tháng năm 2019 của Văn phòng Chính phủ)*

| **STT** | **Mã định danh** | **Bộ ngành** | **Máy chủ sử dụng** | **CHI TIẾT GỬI NHẬN** | | | | | | | | | | | **Cập nhật phần mềm QLVB các nghiệp vụ bổ sung theo QĐ 28** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số trạng thái đã phản hồi** | **Chi tiết các trạng thái** | | | | | | | | **Số lượng văn bản đã gửi** | **Số lượng văn bản đã nhận** | **Trạng thái** | **Bộ thư viện** | **Kế hoạch nâng cấp phần mềm** |
| **Đã đến** | **Số lượng VB qua trạng thái đã đến** | **Đã nhận (văn thư đã vào sổ)** | **Số lượng VB qua trạng thái đã nhận** | **Đã phân công, hoàn thành** | **Số lượng VB được xử lý** | **Đã phát sinh VB từ chối** | **Số VB từ chối** |
|  | 000.00.00.A80 | Văn Phòng TW Đảng | SS riêng |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 14 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.G11 | Bộ Quốc phòng | SS riêng | 1 | Đã đến | 134 |  | 0 |  | 0 |  | 0 | 1 | 142 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G01 | Bộ Công an | SS riêng | 2 | Đã đến | 183 |  | 0 |  | 0 | Từ chối | 1 | 1 | 216 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G08 | Bộ Ngoại giao | SS chung | 6 | Đã đến | 144 | Đã tiếp nhận | 65 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 14 | Từ chối | 11 | 96 | 161 | Đang thực hiện | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.G15 | Bộ Tư pháp | SS riêng | 4 | Đã đến | 127 | Đã tiếp nhận | 2 | Phân công | 2 | Từ chối | 3 | 3 | 292 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G12 | Bộ Tài chính | SS riêng | 6 | Đã đến | 343 | Đã tiếp nhận | 259 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 224 | Từ chối | 44 | 305 | 447 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G02 | Bộ Công Thương | SS chung | 4 | Đã đến | 262 | Đã tiếp nhận | 135 | Đang xử lý, Hoàn thành | 133 |  | 0 | 114 | 386 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G07 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội | SS chung | 4 | Đã đến | 135 | Đã tiếp nhận | 4 | Phân công, Đang xử lý, | 8 |  | 0 | 1 | 137 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G04 | Bộ Giao thông vận tải | SS riêng | 2 | Đã đến | 47 | Đã tiếp nhận | 46 |  | 0 |  | 0 | 75 | 178 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G17 | Bộ Xây dựng | SS riêng | 5 | Đã đến | 136 |  | 0 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 193 | Từ chối | 20 | 104 | 177 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G14 | Bộ Thông tin và Truyền thông | SS riêng | 4 | Đã đến | 150 | Đã tiếp nhận | 17 | Phân công, Hoàn thành | 17 |  | 0 | 32 | 159 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G03 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | SS riêng | 6 | Đã đến | 101 | Đã tiếp nhận | 29 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 38 | Từ chối | 7 | 34 | 121 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.G10 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | SS riêng | 3 | Đã đến | 279 |  | 0 | Phân công, Đang xử lý, | 7 |  | 0 | 2 | 282 | Đang thực hiện | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.G05 | Bộ Kế hoạch Đầu tư | SS riêng | 4 | Đã đến | 258 | Đã tiếp nhận | 256 | Phân công, Đang xử lý, | 427 |  | 0 | 24 | 448 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G09 | Bộ Nội vụ | SS riêng | 4 | Đã đến | 199 | Đã tiếp nhận | 53 | Đang xử lý, Hoàn thành | 60 |  | 0 | 85 | 205 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G18 | Bộ Y tế | SS riêng | 4 | Đã đến | 89 | Đã tiếp nhận | 30 | Đang xử lý, Hoàn thành | 40 |  | 0 | 19 | 131 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G06 | Bộ Khoa học và Công nghệ | SS riêng | 4 | Đã đến | 103 | Đã tiếp nhận | 51 | Đang xử lý, Hoàn thành | 58 |  | 0 | 52 | 137 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.G16 | Bộ Văn hóa,Thể thao và Du lịch | SS riêng | 4 | Đã đến | 127 | Đã tiếp nhận | 52 | Đang xử lý, Hoàn thành | 57 |  | 0 | 15 | 133 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G13 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | SS riêng | 6 | Đã đến | 259 | Đã tiếp nhận | 54 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 32 | Từ chối | 28 | 104 | 290 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.G22 | Văn phòng Chính phủ | SS riêng | 5 | Đã đến | 575 |  | 0 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 606 | Từ chối | 10 | 600 | 648 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G20 | Thanh tra Chính phủ | SS chung | 5 | Đã đến | 125 | Đã tiếp nhận | 57 | Đang xử lý, Hoàn thành | 64 | Từ chối | 15 | 0 | 130 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G19 | Ngân hàng nhà nước Việt nam | SS riêng | 6 | Đã đến | 82 | Đã tiếp nhận | 17 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 31 | Từ chối | 1 | 8 | 105 | Đang thực hiện | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G21 | Ủy ban Dân tộc | SS riêng | 6 | Đã đến | 6 | Đã tiếp nhận | 1 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 3 | Từ chối | 1 | 6 | 34 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G33 | Ủy ban quản lý vốn nhà nước | SS chung | 5 | Đã đến | 57 | Đã tiếp nhận | 38 | Đang xử lý, Hoàn thành | 42 | Từ chối | 2 | 20 | 63 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G23 | Ban Quản lý Lăng | SS chung | 6 | Đã đến | 23 | Đã tiếp nhận | 14 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 27 | Từ chối | 1 | 1 | 32 | Hoàn Thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G24 | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | SS riêng | 6 | Đã đến | 32 | Đã tiếp nhận | 1 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 3 | Từ chối | 2 | 16 | 41 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.G27 | Đài tiếng nói Việt Nam | SS riêng | 3 | Đã đến | 33 |  | 0 | Đang xử lý, Hoàn thành | 2 |  | 0 | 2 | 40 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.G28 | Đài truyền hình Việt Nam | SS riêng | 2 | Đã đến | 38 | Đã tiếp nhận | 5 |  | 0 |  | 0 | 4 | 39 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G29 | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh | SS chung | 1 | Đã đến | 25 |  | 0 |  | 0 |  | 0 | 0 | 32 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G30 | Thông tấn xã Việt Nam | SS riêng | 5 | Đã đến | 34 | Đã tiếp nhận | 19 | Phân công, Hoàn thành | 4 | Từ chối | 5 | 11 | 44 | Đang thực hiện | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G31 | Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt nam | SS chung | 5 | Đã đến | 29 | Đã tiếp nhận | 5 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 9 |  | 0 | 9 | 35 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.G32 | Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam | SS riêng | 4 | Đã đến | 16 | Đã tiếp nhận | 1 |  | Từ chối | 3 | 0 | 9 | 35 |  | SDK 2.0 |  |

**PHỤ LỤC II**

**KẾT QUẢ CHI TIẾT TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH 28/2018/QĐ-TTG CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

*(Kèm theo Báo cáo số /VPCP-KSTT ngày tháng năm 2019 của Văn phòng Chính phủ)*

| **STT** | **Mã định danh** | **Tỉnh, Thành phô trực thuộc Trung ương** | **Máy chủ sử dụng** | **CHI TIẾT GỬI NHẬN** | | | | | | | | | | | **Cập nhật phần mềm QLVB các nghiệp vụ bổ sung theo QĐ 28** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số trạng thái đã phản hồi** | **Chi tiết các trạng thái** | | | | | | | | **Số lượng văn bản đã gửi** | **Số lượng văn bản đã nhận** | **Trạng thái** | **Bộ thư viện** | **Kế hoạch nâng cấp phần mềm** |
| **Đã đến (văn bản tới đích)** | **Số lượng VB qua trạng thái đã đến** | **Đã nhận (văn thư đã vào sổ)** | **Số lượng VB qua trạng thái đã nhận** | **Đã phân công, hoàn thành** | **Số lượng VB được xử lý** | **Đã phát sinh VB từ chối** | **Số VB từ chối** |
|  | 000.00.00.H26 | Hà Nội | SS riêng | 3 | Đã đến | 74 |  | 0 | Phân công | 4 | Từ chối | 2 | 58 | 81 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.H29 | TP.HCM | SS riêng | 6 | Đã đến | 51 | Đã tiếp nhận | 41 | Đang xử lý, Hoàn thành | 47 |  | 0 | 27 | 83 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H01 | An Giang | SS chung | 6 | Đã đến | 33 | Đã tiếp nhận | 27 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 39 | Từ chối | 1 | 0 | 47 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H02 | Bắc Giang | SS riêng | 6 | Đã đến | 51 | Đã tiếp nhận | 22 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 29 | Từ chối | 1 | 9 | 55 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H03 | Bắc Kạn | SS riêng | 6 | Đã đến | 41 | Đã tiếp nhận | 10 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 19 | Từ chối | 1 | 0 | 48 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H04 | Bạc Liêu | SS chung | 5 | Đã đến | 32 | Đã tiếp nhận | 10 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 12 |  | 0 | 2 | 46 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.H05 | Bắc Ninh | SS riêng | 5 | Đã đến | 10 | Đã tiếp nhận | 3 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 3 |  | 0 | 26 | 58 | Đang thực hiện | SDK 1.0 | 21/03/2019 |
|  | 000.00.00.H06 | Bà Rịa - Vũng Tàu | SS chung | 5 | Đã đến | 54 | Đã tiếp nhận | 28 | Đang xử lý, Hoàn thành | 29 | Từ chối | 6 | 10 | 59 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.H07 | Bến Tre | SS chung | 6 | Đã đến | 28 | Đã tiếp nhận | 4 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 23 | Từ chối | 1 | 28 | 45 | Đang thực hiện | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H08 | Bình Định | SS riêng | 5 | Đã đến | 55 | Đã tiếp nhận | 28 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 32 |  | 0 | 23 | 63 | Đang thực hiện | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H09 | Bình Dương | SS riêng | 2 | Đã đến | 27 |  | 0 | Đang xử lý | 13 |  | 0 | 29 | 36 |  | SDK 2.0 QĐ 28 |  |
|  | 000.00.00.H10 | Bình Phước | SS riêng | 5 | Đã đến | 31 | Đã tiếp nhận | 23 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 3 |  | 0 | 6 | 52 | Đang thực hiện | SDK 2.0 QĐ 28 |  |
|  | 000.00.00.H11 | Bình Thuận | SS riêng | 6 | Đã đến | 31 | Đã tiếp nhận | 5 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 12 | Từ chối | 2 | 1 | 54 | Đang thực hiện | SDK 1.0 | 31-03-19 |
|  | 000.00.00.H12 | Cà Mau | SS riêng | 6 | Đã đến | 32 | Đã tiếp nhận | 15 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 19 | Từ chối | 1 | 32 | 40 | Hoàn thành |  |  |
|  | 000.00.00.H13 | Tp. Cần Thơ | SS riêng | 6 | Đã đến | 25 | Đã tiếp nhận | 13 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 9 | Từ chối | 2 | 0 | 63 | Đang thực hiện | SDK 1.0 | 31-03-19 |
|  | 000.00.00.H14 | Cao Bằng | SS chung | 5 | Đã đến | 35 | Đã tiếp nhận | 27 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 51 |  | 0 | 12 | 54 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H15 | Đắk Lắk | SS riêng | 3 | Đã đến | 41 | Đã tiếp nhận | 12 | Phân công | 15 |  | 0 | 38 | 54 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H16 | Đắk Nông | SS chung | 3 | Đã đến | 34 |  | 0 | Đang xử lý, Hoàn thành | 23 |  | 0 | 1 | 50 | Đang thực hiện | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H17 | Thành phố Đà Nẵng | SS riêng | 4 | Đã đến | 35 | Đã tiếp nhận | 41 | Đang xử lý, Hoàn thành | 44 |  | 0 | 17 | 56 | Đang thực hiện | SDK 1.0 | 31-03-19 |
|  | 000.00.00.H18 | Điện Biên | SS chung | 6 | Đã đến | 34 | Đã tiếp nhận | 19 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 28 | Từ chối | 1 | 93 | 44 | Chờ kiểm tra xác nhận | SDK 2.0 QĐ 28 |  |
|  | 000.00.00.H19 | Đồng Nai | SS riêng | 5 | Đã đến | 46 | Đã tiếp nhận | 24 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 57 |  | 0 | 30 | 51 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H20 | Đồng Tháp | SS riêng | 3 | Đã đến | 35 | Đã tiếp nhận | 30 | Đang xử lý | 4 |  | 0 | 1 | 47 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.H21 | Gia Lai | SS riêng | 6 | Đã đến | 28 | Đã tiếp nhận | 20 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 45 | Từ chối | 1 | 8 | 54 | Đang thực hiện | SDK 1.0 | 31/03/2019 |
|  | 000.00.00.H22 | Hà Giang | SS chung | 6 | Đã đến | 37 | Đã tiếp nhận | 6 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 75 | Từ chối | 1 | 14 | 56 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H23 | Hải Dương | SS chung | 4 | Đã đến | 33 | Đã tiếp nhận | 1 | Đang xử lý, Hoàn thành | 2 |  | 0 | 2 | 35 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.H24 | Hải Phòng | SS riêng | 6 | Đã đến | 46 | Đã tiếp nhận | 20 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 12 | Từ chối | 17 | 44 | 57 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H25 | Hà Nam | SS chung | 1 | Đã đến | 33 |  | 0 |  | 0 |  | 0 | 1 | 43 | Chờ kiểm tra xác nhận | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H27 | Hà Tĩnh | SS riêng | 6 | Đã đến | 34 | Đã tiếp nhận | 34 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 49 | Từ chối | 1 | 22 | 52 | Chờ kiểm tra xác nhận | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H28 | Hòa Bình | SS riêng | 5 | Đã đến | 15 | Đã tiếp nhận | 26 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 34 |  | 0 | 4 | 62 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H30 | Hậu Giang | SS chung | 6 | Đã đến | 37 | Đã tiếp nhận | 19 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 19 | Từ chối | 2 | 19 | 42 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H31 | Hưng Yên | SS riêng | 6 | Đã đến | 30 | Đã tiếp nhận | 24 | Phân công, Hoàn thành | 21 | Từ chối | 3 | 6 | 47 | Chờ kiểm tra xác nhận | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H32 | Khánh Hòa | SS riêng | 6 | Đã đến | 44 | Đã tiếp nhận | 6 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 12 | Từ chối | 13 | 68 | 52 | Đang thực hiện | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H33 | Kiên Giang | SS riêng | 6 | Đã đến | 47 | Đã tiếp nhận | 23 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 33 | Từ chối | 3 | 43 | 55 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H34 | KonTum | SS chung | 6 | Đã đến | 37 | Đã tiếp nhận | 36 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 45 | Từ chối | 1 | 20 | 52 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H35 | Lai Châu | SS chung | 1 | Đã đến | 50 |  | 0 |  | 0 |  | 0 | 1 | 50 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H36 | Lâm Đồng | SS riêng | 6 | Đã đến | 40 | Đã tiếp nhận | 19 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 34 | Từ chối | 2 | 57 | 53 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H37 | Lạng Sơn | SS riêng | 4 | Đã đến | 33 | Đã tiếp nhận | 27 | Đang xử lý, Hoàn thành | 18 |  | 0 | 20 | 54 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H38 | Lào Cai | SS chung | 4 | Đã đến | 42 | Đã tiếp nhận | 4 | Phân công, Hoàn thành | 6 |  | 0 | 1 | 58 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H39 | Long An | SS riêng | 6 | Đã đến | 52 | Đã tiếp nhận | 17 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 21 | Từ chối | 10 | 18 | 57 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H40 | Nam Định | SS riêng | 5 | Đã đến | 44 | Đã tiếp nhận | 8 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 40 |  | 0 | 8 | 60 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H41 | Nghệ An | SS chung | 5 | Đã đến | 41 | Đã tiếp nhận | 16 | Phân công, Hoàn thành | 15 | Từ chối | 4 | 25 | 58 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H42 | Nghệ An | SS chung | 6 | Đã đến | 38 | Đã tiếp nhận | 27 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 71 | Từ chối | 2 | 1 | 56 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H43 | Ninh Thuận | SS riêng | 4 | Đã đến | 26 | Đã tiếp nhận | 29 | Phân công, Đang xử lý, | 35 |  | 0 | 11 | 51 | Chờ kiểm tra xác nhận | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H44 | Phú Thọ | SS chung | 6 | Đã đến | 42 | Đã tiếp nhận | 2 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 37 | Từ chối | 4 | 10 | 60 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H45 | Phú Yên | SS chung | 6 | Đã đến | 35 | Đã tiếp nhận | 7 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 10 | Từ chối | 1 | 0 | 56 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H46 | Quảng Bình | SS riêng | 6 | Đã đến | 34 | Đã tiếp nhận | 22 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 34 | Từ chối | 1 | 28 | 50 | Chờ kiểm tra xác nhận | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H47 | Quảng Nam | SS riêng | 5 | Đã đến | 53 | Đã tiếp nhận | 21 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 29 |  | 0 | 22 | 58 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H48 | Quảng Ngãi | SS riêng | 3 | Đã đến | 16 | Đã tiếp nhận | 22 | Đang xử lý | 10 |  | 0 | 1 | 57 |  | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.H49 | Quảng Ninh | SS riêng | 4 | Đã đến | 31 | Đã tiếp nhận | 29 | Phân công, Hoàn thành | 44 |  | 0 | 16 | 41 |  | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H50 | Quảng Trị | SS riêng | 5 | Đã đến | 33 | Đã tiếp nhận | 24 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 28 |  | 0 | 32 | 46 | Đang thực hiện | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H51 | Sóc Trăng | SS chung | 6 | Đã đến | 39 | Đã tiếp nhận | 11 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 21 | Từ chối | 1 | 22 | 56 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H52 | Sơn La | SS chung | 5 | Đã đến | 35 | Đã tiếp nhận | 8 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 65 |  | 0 | 32 | 56 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H53 | Tây Ninh | SS riêng | 3 | Đã đến | 44 | Đã tiếp nhận | 9 | Đang xử lý | 9 |  | 0 | 48 | 49 | Đang thực hiện nâng cấp | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H54 | Thái Bình | SS riêng | 4 | Đã đến | 22 | Đã tiếp nhận | 29 | Đang xử lý, Hoàn thành | 11 |  | 0 | 21 | 57 | Đã lên kế hoạch | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H55 | Thái Nguyên | SS riêng | 6 | Đã đến | 44 | Đã tiếp nhận | 16 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 25 | Từ chối | 9 | 2 | 59 | Đang thực hiện | SDK 1.0 | 31/03/2019 |
|  | 000.00.00.H56 | Thanh Hóa | SS riêng | 4 | Đã đến | 38 | Đã tiếp nhận | 19 | Phân công, Đang xử lý, | 5 |  | 0 | 41 | 59 | Chờ kiểm tra xác nhận | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H57 | Thừa Thiên Huế | SS riêng | 5 | Đã đến | 56 | Đã tiếp nhận | 24 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 24 |  | 0 | 23 | 62 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H58 | Tiền Giang | SS chung | 6 | Đã đến | 32 | Đã tiếp nhận | 27 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 29 | Từ chối | 1 | 26 | 56 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H59 | Trà Vinh | SS riêng | 6 | Đã đến | 43 | Đã tiếp nhận | 13 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 20 | Từ chối | 1 | 2 | 57 | Hoàn thành | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H60 | Tuyên Quang | SS chung | 4 | Đã đến | 48 | Đã tiếp nhận | 14 | Phân công, Hoàn thành | 4 |  | 0 | 1 | 47 | Hoàn thành | SDK 2.0 QĐ 28 |  |
|  | 000.00.00.H61 | Vĩnh Long | SS riêng | 6 | Đã đến | 33 | Đã tiếp nhận | 3 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 7 | Từ chối | 1 | 2 | 50 | Đang thực hiện | SDK 1.0 |  |
|  | 000.00.00.H62 | Vĩnh Phúc | SS riêng | 5 | Đã đến | 37 | Đã tiếp nhận | 11 | Phân công, Đang xử lý, Hoàn thành | 20 |  | 0 | 17 | 47 | Chờ kiểm tra xác nhận | SDK 2.0 |  |
|  | 000.00.00.H63 | Yên Bái | SS chung | 1 | Đã đến | 27 |  | 0 |  | 0 |  | 0 | 3 | 51 |  | SDK 2.0 |  |

**PHỤ LỤC III**

**CÁC CÔNG TY PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM QUẢN LÝ VĂN BẢN VÀ ĐIỀU HÀNH**

*(Kèm theo Báo cáo số /VPCP-KSTT ngày tháng năm 2019 của Văn phòng Chính phủ)*

| **STT** | **Tên cơ quan/công ty** | **Bộ, ngành, địa phương** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Tập đoàn VNPT (21 cơ quan) | Cao Bằng, Đắk Nông, Hà Giang, Lai Châu, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Phú Yên, Sóc Trăng, Sơn La, Tiền Giang, Tuyên Quang, An Giang, KonTum, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng, Lào Cai, Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt nam, Trà Vinh, Ban Quản lý Lăng, |  |
|  | Viettel (13 cơ quan) | Bộ Công Thương, Văn phòng Chính phủ, Bộ Văn hóa-Thể thao-Du lịch, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Nam Định, Bộ Nội Vụ, Bộ Quốc Phòng, Hải Dương, Đồng Nai, Bộ Y tế, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban quản lý vốn nhà nước |  |
|  | Tân Dân (14 cơ quan) | Bắc Giang, Bắc Kạn, Điện Biên, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Quảng Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hưng Yên, Ninh Thuận, Vĩnh Long, |  |
|  | Simax (5 cơ quan) | Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tư pháp, Hòa Bình, Ủy Ban Dân tộc TƯ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam |  |
|  | BKAV (5 cơ quan) | Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Tháp, Kon Tum, Lạng Sơn, Quảng Ngãi, Tây Ninh; |  |
|  | CMC (2 cơ quan) | Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính; |  |
|  | New Saigon Soft – Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Mới (3 cơ quan) | Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương |  |
|  | CINOTEC – Công ty điện toán Sài Gòn (3 cơ quan) | An Giang, Cà Mau, Kiên Giang; |  |
|  | UNITECH – Công ty cổ phần công nghệ Tâm Hợp Nhất (5 cơ quan) | Bình Thuận, Đà Nẵng, Gia Lai, Thái Nguyên, Cần Thơ |  |
|  | Inet - Công ty cổ phần tin học giải pháp tích hợp Mở (3 cơ quan) | Đắk Lắc, Bình Định, Trà Vinh |  |
|  | Công ty cổ phần Dynosys | Bộ Công An |  |
|  | Trung tâm tin học - Bộ Kế hoạch đầu tư | Bộ Kế hoạch đầu tư |  |
|  | Trung tâm thông tin | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |  |
|  | Bộ tư lệnh 86 | Bộ Quốc phòng |  |
|  | Cục công nghệ thông tin và dữ liệu TNMT | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |
|  | Viện công nghệ Viễn thông (ITT) thuộc Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam | Bạc Liêu |  |
|  | Công ty cổ phần dịch vụ IFSC | Bắc Ninh |  |
|  | Công ty cổ phần VSD Việt Nam | Hà Nam |  |
|  | Trung tâm thông tin - tin học, Văn phòng UBND Thành phố Hải Phòng | Hải Phòng |  |
|  | Công ty cổ phần công nghệ Trí Thức | Hậu Giang |  |
|  | Công ty TNHH phần mềm tư vấn Kim Tự Tháp | Khánh Hòa |  |
|  | Công ty cổ phần phát triển phần mềm ánh Sao | Quảng Trị |  |
|  | Sở TTTT Quảng Nam | Quảng Nam |  |
|  | Sở TTTT Thái Bình | Thái Bình |  |
|  | Trung tâm CNTT Tỉnh | Thừa Thiên Huế |  |
|  | Trung tâm CNTT truyền thông | Yên Bái |  |
|  | Trung tâm Tin học và Tính toán | Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam |  |
|  | Công ty TNHH vi tính Vũ Hảo | Thông tấn xã Việt Nam |  |
|  | Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Truyền thông (R&D)-Đài Tiếng nói Việt Nam | Đài Tiếng nói Việt Nam |  |

1. Tham gia Đoàn công tác học tập kinh nghiệm có đại diện của Bộ Thông tin và Truyền thông, các tập đoàn, công ty lớn về CNTT của Việt Nam như: VNPT, Viettel, FPT và một số chuyên gia của các tổ chức. [↑](#footnote-ref-1)
2. - Giai đoạn 1 (từ ngày 20/8/2018-10/10/2018): Văn phòng Chính phủ thực hiện khảo sát thực tế tại một số bộ, địa phương (Bộ TTTT, Bộ Công Thương, Bộ TNMT, Bộ Xây dựng, Thành phố Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hóa, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai); thống nhất các nghiệp vụ gửi, nhận văn bản điện tử theo Quyết định 28/2018/QĐ-TTg; hoàn thành thử nghiệm giải pháp kỹ thuật kết nối với 05 đơn vị (Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng, Nghệ An, Cao Bằng).

   - Giai đoạn 2 (từ ngày 01/10/2018-16/11/2018): Văn phòng Chính phủ có Công văn số 10143/VPCP-KSTT ngày 18/10/2018 về triển khai thử nghiệm kết nối, liên thông gửi, nhận văn bản điện tử theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg. Theo đó, đã lựa chọn 27 bộ, ngành, địa phương đáp ứng yêu cầu về giải pháp kỹ thuật để tham gia trong giai đoạn thử nghiệm.

   - Giai đoạn 3 (Từ ngày 17/11/2018 đến ngày 19/01/2019): Kiểm tra, xác nhận tình trạng liên thông của các bộ, ngành, địa phương, thử nghiệm kết nối với 95 bộ, ngành, địa phương trên Trục liên thông văn bản Quốc gia, chuẩn bị hệ thống sẵn sàng cho nâng cấp, chuyển đổi. [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo Điều 10, Quyết định 28/2018/QĐ-TTg, trạng thái xử lý văn bản bao gồm đã đến, đã tiếp nhận, đã chuyển xử lý, đang xử lý, đã hoàn thành, từ chối nhận (trả lại), thu hồi, xóa...; [↑](#footnote-ref-3)